

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ao, eo*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ao, eo*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các chữ *ao, eo* (chữ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *ao, eo*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *ao, eo* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ *Em chăm chỉ* (bức tranh vẽ một bạn nhỏ đang đọc truyện, làm bài,... được ví như chú chim ri đang miệt mài đan tổ).
- Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên qua phong cảnh ao nước mùa thu, cảnh sinh hoạt của những chú chim.

II CHUẨN BỊ

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của các vần *ao, eo*; cấu tạo và cách viết các vần *ao, eo*; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- *Chim chào mào*: loài chim nhỏ, có giọng hót hay và ngoại hình đẹp: lưng xám, ngực trắng có điểm những mảng lông đỏ, đầu có mào.
- *Chim sáo*: loài chim nhỏ, thích sống thành đàn, giọng hót hay, đa dạng và có khả năng bắt chước được các âm thanh khác.
- *Chim ri*: loài chim có hình dáng nhỏ hơn chim sẻ, nhiều màu sắc khác nhau, không sống thành đàn mà thành từng đôi.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

- GV hướng dẫn HS ôn lại những vần vừa học trong bài trước *ui, iui* và tạo tâm thế cho HS bằng trò chơi phù hợp.
- Ổn định lớp để bắt đầu bài mới.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Ao thu/ lạnh lẽo/ nước trong veo.*
- GV giới thiệu các vần mới *ao, eo*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- Đọc vần *ao*
 - + Đánh vần
 - GV đánh vần mẫu *ao*.
 - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đánh vần.
 - Lớp đánh vần đồng thanh một lần.
 - + Đọc trơn vần
 - Một số (5 – 6) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần.
 - Lớp đọc trơn đồng thanh một lần.
 - + Ghép chữ cái tạo vần
 - HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần
 - GV yêu cầu HS nêu cách ghép.

- Đọc vần *eo*
- Quy trình tương tự quy trình đọc vần *ao*.
- So sánh các vần
 - + GV yêu cầu HS tìm điểm giống nhau, khác nhau giữa các vần *ao*, *eo* trong bài.
 - + GV yêu cầu HS nêu lại các vần vừa học.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu *lèo* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *lèo*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng mẫu *lèo* (*lờ - eo - leo - ngã - lèo*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đọc tiếng chứa vần *ao*
 - GV đưa các tiếng chứa vần thứ nhất, yêu cầu HS tìm điểm chung cùng chứa vần thứ nhất *dao*, *chào*, *sáo*.
 - Đánh vần tiếng: Một số HS đánh vần tất cả các tiếng cùng vần.
 - Đọc trơn các tiếng cùng vần.
 - + Đọc tiếng chứa vần *eo*

Quy trình tương tự với quy trình đọc tiếng chứa vần *ao*.

- Đọc trơn các tiếng chứa hai vần đang học: Một số (3 – 4) HS đọc trơn, mỗi HS đọc trơn 3 – 4 tiếng cả hai nhóm vần.
- Một số (2 – 3) HS đọc tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần đang học *ao*, *eo*.
 - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
- Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *ngôi sao*, *quả táo*, *cái kẹo*, *ao bèo*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *ngôi sao*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *ngôi sao* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ao* trong *ngôi sao*, phân tích và đánh vần tiếng *sao*, đọc trơn từ ngữ *ngôi sao*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *quả táo*, *cái kẹo*, *ao bèo*.
- HS tìm từ ngữ mới có vần *ao* hoặc *eo*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ao, eo*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *ao, eo*.
- HS viết vào bảng con: *ao, eo* và *sao, bèo* (chữ cỡ vừa).
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *ao, eo*; từ ngữ *ngôi sao, ao bèo*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm cả đoạn; tìm tiếng có các vần *ao, eo*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ao, eo* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc: *Dàn chào mào làm gì? Máy chú sáo đen làm gì? Chú chim ri làm gì? Em thích chú chim nào? Vì sao?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- GV hướng dẫn HS quan sát tranh trong SHS và nói về bạn nhỏ trong tranh (*Bạn nhỏ trong tranh đang chăm chỉ làm gì? Các em có chăm chỉ không?*).
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức chăm chỉ, cần cù học tập.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *ao, eo* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *ao, eo* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.